

Số: 5477250

|                                                | Mazda2 1.5L AT (Xe tập lái, có DAT)          | Kia Soluto MT Deluxe |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 399.000.000đ                                 | 375.000.000đ         |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                              |                      |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4355 x 1695 x 1470                           | 4300 x 1700 x 1460   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         | 2570                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5000                                         | 5200                 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 140                                          | 150                  |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1109                                         | 1030                 |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1528                                         | 1480                 |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 440                                          | 475                  |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           | 43                   |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                    |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước     |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                              |                      |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              | Xăng, Kappa 1.4L     |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         | 1368                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                   | 94 / 6000            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   | 132 / 4000           |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | 5MT                  |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)      |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập McPherson                            | Mc Pherson           |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn           |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                  |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Đĩa                  |
| Thông số lốp xe                                | 185/65 R15                                   | 174/70 R14           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.91                                         | 8.29                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.07                                         | 4.64                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.11                                         | 6                    |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                                            |                      |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 |                      |
| Chế độ địa hình                                | -                                            |                      |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                      |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                              |                      |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | Halogen              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | -                                            |                      |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            |                      |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                      |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                            |                      |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen                                      | LED                  |
| Đèn sương mù                                   | -                                            | Halogen              |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      | Halogen              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Chỉnh điện                                   | ●                    |
| Gạt mưa tự động                                | -                                            |                      |

Cửa sổ trời

-

Trang bị khác

Bổ sung 2 biển “XE TẬP LÁI” phía trước & phía sau (theo quy định tiêu chuẩn hiện hành)

**NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

Vô lăng bọc da

-

●

Chất liệu ghế

Nỉ

Da

Ghế người lái chỉnh cơ

●

●

Ghế người lái chỉnh điện

-

Ghế người lái có nhớ vị trí

-

Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ

●

●

Ghế hành khách phía trước chỉnh điện

-

Hàng ghế trước có tính năng làm mát

-

Hàng ghế trước có tính năng sưởi

-

Hàng ghế trước có tính năng massage

-

Tính năng cửa hít

-

Kính cửa sổ chỉnh điện

●

●

Màn hình đồng hồ đa thông tin

Analog + Digital

2.8" LCD

Màn hình HUD

-

Màn hình giải trí trung tâm

-

AVN 7"

Kết nối Apple Carplay/Android Auto

-

Hệ thống điều hòa tự động

Chỉnh cơ

Số vùng khí hậu điều hòa

1

1

Cửa gió cho hàng ghế sau

-

Chìa khóa thông minh

●

●

Khởi động nút bấm

●

Khởi động từ xa

-

Hệ thống âm thanh

4 loa

6 loa

Lấy chuyển số

-

Sạc không dây Qi

-

Phanh đỗ điện tử

-

Giữ phanh tự động Autohold

-

Đèn trang trí nội thất

-

Rèm che nắng

-

Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX

●

Trang bị khác

Trang bị cơ cấu phanh phụ tại ghế hành khách phía trước. Bổ sung thiết bị giám sát thời gian và quãng đường thực hành lái xe

**AN TOÀN:**

Số túi khí

2

2

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS

●

●

Hệ thống phân phối lực phanh EBD

●

●

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA

●

Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS

●

Hệ thống cân bằng điện tử

●

Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS

●

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA

●

|                                                 |   |     |
|-------------------------------------------------|---|-----|
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ● | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ● |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | - | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | - |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | - |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | - |     |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | - |     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | - |     |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | - |     |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | - |     |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | - |     |
| Camera lùi                                      | - | ●   |